TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS
TỈNH PT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/HSST
Ngày 26/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT tham gia phiên toà: Ông Hoàng Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2020/HSST, ngày 17 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/QĐXXST-HS, ngày 27/11/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST-QĐ Ngày 09/12/2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa ngày số 03/2020/HSST/QĐ ngày 31/12/2020 đối với các bị cáo:

1.Nguyễn Tiến Q. Tên gọi khác: Không, sinh năm 1991.Nơi sinh: Tại huyện Th S, tỉnh PT. Nơi ĐKNKTT: Khu M Th, xã M Đài, huyện TS, tỉnh PT; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: Quần chúng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Q (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị X, sinh năm 1965; Vợ: Phùng Thị N (đã ly hôn); Con: Có một con sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 23/2008/HSST ngày 22/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện Tận Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và " Lạm dụng chiếm đoạt tài sản" và tại bản án số 27/2008/HSST ngày 29/12/2008 của Tòa án nhân dân huyện T S xử phạt 18 tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đến ngày 24/12/2010 bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ 02 bản án.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 09 ngày 08/01/2021của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT. Hiện đang bị tam giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện ĐB theo Lệnh tạm giữ số 03 ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện ĐB, tỉnh HB về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma trúy", có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn H. Tên gọi khác: Không, sinh năm 1992.Nơi sinh:Tại huyện TS, tỉnh PT.Nơi ĐKNKTT: Khu M Thanh, xã M Đài, huyện TS, tỉnh PT; Dân tộc: Mường; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: Quần chúng; Giới

tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Q (đã chết); Con bà: Hà Thị N, sinh năm 1960; Vợ con: Chưa; Con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 167/2012/HSST ngày 18/6/2008 của Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố H xử phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đến ngày 15/6/2014 bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 08 ngày 08/01/2021của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị M. Tên gọi khác: Không, sinh năm 1973. Nơi sinh:Tại huyện L T, tỉnh PT. Nơi ĐKNKTT: Khu ĐC, xã XĐ, huyện TS, tỉnh PT; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: Quần chúng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tập S, sinh năm 1956; Con bà: Lê Thị T, sinh năm 1956; CH: Triệu Quang Đ(đã ly hôn); Con: Có một con sinh năm 1998; Tiền án, Tiền sự: Không.

Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 02 ngày 08/01/2021của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Xuân L. Tên gọi khác: Không, sinh năm 1986.Nơi sinh:Tại Thị xã PT, tỉnh PT.Nơi ĐKNKTT: Tổ 3, thị trấn CP, huyện XM, tỉnh HG; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: Quần chúng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tập , sinh năm 1956; Con bà: Lê Thị T, sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1986; Con: Có 03 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, Tiền sự: Không.

Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01 ngày 08/01/2021của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT, có mặt tại phiên tòa, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thanh Q. Tên gọi khác: Không, sinh năm 1980.
Nơi sinh:Tại huyện TS, tỉnh PT. Nơi ĐKNKTT: Khu ĐP, xã M Đài, huyện TS, tỉnh PT; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: Quần chúng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thành D, sinh năm 1957; Con bà: Trần Thị N, sinh năm 1961; Vợ: Hoàng Thị Lệ Q, sinh năm 1983; Con: Có 03 (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010); Tiền án, Tiền sự: Không.

Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03 ngày 08/01/2021của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT, có mặt tại phiên tòa.

6.Lù Chín V.Tên gọi khác: Không, sinh năm 1992.Nơi sinh:Tại huyện XM, tỉnh HG.Nơi ĐKNKTT:Thôn NH, xã ChC, huyện XM, tỉnh HG; Dân tộc: Nùng; Trình độ văn hóa:12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: Quần chúng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lù Tiến C, sinh năm 1972; Con bà: Vàng Thị N (đã chết);Vợ: Lùng Thị L (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, Tiền sự: Không.

Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 06 ngày 08/01/2021của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT, có mặt tại phiên tòa.

7. **Lê Văn L**. Tên gọi khác: Không, sinh năm 1985. Nơi sinh: Tại huyện ThB, tỉnh PT. Nơi ĐKNKTT: Tổ 2, Phường DH, thành phố LC, tỉnh LC; Dân tộc: Kinh;

Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: Quần chúng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn C (đã chết);Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1938; Vợ: Cù Thị M, sinh năm 1990; Con: Có hai con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không.

Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 04 ngày 08/01/2021của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT, có mặt tại phiên tòa.

8. Trần Xuân KH. Tên gọi khác: Không, sinh năm 1986. Nơi sinh:Thị xã PT, tỉnh PT. Nơi ĐKNKTT: Tổ 2 Phú Liêm, phường HV, thị xã PT, tỉnh PT; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: Quần chúng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Xuân Th, sinh năm 1956; Con bà: Vũ Thị B, sinh năm 1958; Vợ, con: Chưa; Tiền án, Tiền sự: Không.

Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05 ngày 08/01/2021của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT, có mặt tại phiên tòa.

9. Đinh Công D. Tên gọi khác: Không, sinh năm 1996.Nơi sinh: Huyện TS, tỉnh PT.Nơi ĐKNKTT: Xóm L, xã M, huyện TS, tỉnh PT; Dân tộc: Mường; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: Quần chúng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Công D, sinh năm 1968; Con bà: Hà Thị T, sinh năm 1973; Vợ, con: Chưa; Tiền án, Tiền sự: Không.

Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 07 ngày 08/01/2021của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Chín V: Ông **Bùi Đức D** -Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh PT, cử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Công D: Ông **Lã Thành Công** -Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh PT, cử có mặt.

Người bị hại: Anh **Hà Văn Kh**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm L, xã XS, huyện TS, tỉnh PT, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Bà **Trịnh Thị Hiền** - Luật sư Công ty luật TNHH Hiệp Thành, thuộc đoàn Luật sư Hà Nội, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho người bị hại:

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm ĐC, xã XĐ, huyện TS, tỉnh PT, có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thu TH** – sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu ĐV, xã ĐQ, huyện TS, tỉnh PT, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Đoàn Mạnh Đ**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu ĐP, xã M Đ, huyện TS, tỉnh PT, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các Bị cáo:

Chiều ngày 11/3/2020, Nguyễn Xuân L do có hẹn trước với anh Lã Đình Đ là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Xuân Trường, hiện đang làm dự án tại xã XS, huyện TS, tỉnh PT để bàn bạc về việc mua bán, cắm, xác định địa giới đất ở xã XS. L rủ Lù Chín V, Trần Xuân KH, Lê Văn L, Nguyễn Thanh Q, cùng đi sang nhà chị gái của L là Nguyễn Thị M ở tại xóm L, xã XS chơi, tiện thể kết hợp việc mua bán đất.

Sau đó, L, V, KH, L, Q đi xe ôtô của L đi từ thị trấn CP, huyện XM, tỉnh HG đến tối ngày 11/3/2020 nhóm của L thuê nhà nghỉ ở huyện ThS, tỉnh PT nghỉ lại. Sáng ngày 12/3/2020, cả nhóm tiếp tục đi, trên đường, Nguyễn Thanh Q gọi điện mời bạn là Nguyễn Tiến Q, Lê Văn H và Đinh Công D cùng sang vườn quốc gia XS chơi, uống rượu. Các bên hẹn đón nhau ở cầu M Đ, thuộc xã M Đ, huyện TS, tỉnh PT. Khi đến nơi hẹn, Nguyễn Thanh Q gọi điện cho Nguyễn Văn Đ là lái xe Taxi để đến đón nhóm của Nguyễn Tiến Q. Trong lúc đi, L nhờ Nguyễn Thanh Q, mua hộ Búa và Cưa sắt để đi đo đất và cắm ranh giới, Q ra quán tạp hóa ở xã M Đ, mua 02 đầu Búa tạ, 2 lưỡi cắt bằng Đá mài, còn máy cắt sắt thì Nguyễn Thanh Q về nhà lấy rồi cho vào cốp xe ôtô của Đ. Sau đó, cả nhóm trên đi xe ôtô của L và Đ sang nhà Nguyễn Thị M.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày các Bị cáo đến nhà M, trong lúc ngồi uống nước M nói: "Đất nhà chị bị hàng xóm xây tường lấn sang, anh em giúp chị tháo dỡ với" rồi M đưa cả nhóm ra trước cửa chỗ giáp ranh giữa nhà M với nhà anh Hà Văn Kh, M nói với những người trên là: "Mái tôn le đến đâu là đất của chị các e dỡ bỏ bức tường cho chị" thấy M nói vậy L bảo với mọi người "Anh em dỡ bỏ bức tường trên giúp chị M với". Thấy M và L nhờ nên KH, L, V vào nhà M tìm và lấy được mỗi người 1 con Dao cầm ra chọc, cạy vào bức tường nhưng không đổ, sau đó, KH, L, V cầm dao ra đứng xung quanh bên ngoài để cảnh giới. Còn M đi vào nhà lấy 1 cái búa tạ mang ra đập dầm, móng nhà anh Kh. Thấy M, L nhờ đập bức tường, Nguyễn Thanh Q nói với H, D, Nguyễn Tiến Q là "Anh em dỡ bức tường giúp chị M với". Được Nguyễn Thanh Q bảo H, Nguyễn Tiến Q lấy Búa và Máy cắt sắt ở trên xe Đ xuống, còn D đi đến chỗ M lấy búa rồi cùng Nguyễn Tiến Q, H dùng búa đập bức tường nhà**,** dầm móng nhà anh Kh.

Sau đó, M đi vào trong nhà lấy dây điện ra cắm vào máy cắt rồi cắt bốn thanh sắt của một đầu cột chờ chưa đổ bê tông của móng nhà anh Kh. Sau khi H, D, Nguyễn Tiến Q đập vỡ bức tường nhà thì lộ ra ba cột bê tông thì L nói "Đập nốt cột bê tông cho đổ" thấy vậy H, D cầm búa đập vào chân ba cột bê tông nhưng không đổ thì L bảo "Lấy cưa sắt cưa cho đổ" thì H lấy máy cắt sắt từ M mang ra cắt bốn thanh sắt của một đầu cột chờ chưa đổ bê tông nằm trên dầm móng nhà anh Kh, sau đó H dùng máy cắt các thanh sắt dưới chân của ba cột bê tông nhưng không cắt hết được các thanh sắt trong cột nên ba cột bê tông vẫn không đổ. Thấy vậy D và M đến đẩy ba cột bê tông

đổ nằm xuống đất. Ngay lúc đó Công an xã XS, huyện TS đến nên các đối tượng đã dừng lại không đập phá nữa và bỏ đi.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TS đã tiến hành điều tra, xác M, khám nghiệm hiện trường và thu giữ vật chứng gồm: 03 con dao bằng kim loại có cán hình tròn bằng kim loại mỗi con Dao dài 70cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35cm; 03 búa tạ có cán bằng thân cây tre đầu búa bằng kim loại đều có kích thước 15cm x 7cm x 7cm; 01 máy cắt Sắt có gắn lưỡi bằng đá mài nhãn hiệu AGZ màu xanh đã qua sử dụng, 01 dây điện màu vàng dài 19,5m một đầu có phích cắm, một đầu có ổ cắm đồng thời triệu tập các đối tượng liên quan đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện TS để điều tra làm rõ.

Ngày 08/6/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện TS ra yêu cầu định giá tài sản đề nghị Hội đồng định giá tài sản huyện TS, tỉnh PT định giá đối với phần bức tường và các cột bô tông bị hủy hoại mà Cơ quan CSĐT - Công an huyện TS đã khám nghiệm, kiểm đếm đo đạc. Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS ngày 15/6/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên huyện TS, tỉnh PT xác định: Tổng tài sản bị hủy hoại có giá trị 3.328.200 đồng.

Ngày 18/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT ra công văn số 225/CV-VKSTS đề nghị Hội đồng định giá theo vụ việc thuộc Ủy ban nhân dân huyên TS giải thích kết luận định giá, kiểm tra lại trình tự, thủ tục định giá, kết luận định giá vì trong kết luận định giá chưa kết luận định giá đầy đủ theo yêu cầu định giá của Cơ quan điều tra. Ngày 04/9/2020 Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc thuộc Ủy ban nhân dân huyện TS, tỉnh PT có văn bản số 02/HĐĐGTX thu hồi lại Kết luận định giá số 15/KL-ĐGTS ngày 15/6/2020 do khi định giá Hội đồng định giá chưa đồng thời tiến hành xác định giá trị trên cơ sở chi phí khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản trước khi bị hủy hoại. Đồng thời tiến hành định giá kết quả như sau: Kết luận định giá số 20/KL-ĐGTS ngày 08/9/2020: Tổng chi phí khôi phục tình trạng ban đầu của tài sản trước khi bị hủy hoại là 6.726.000 đồng.

Ngày 25/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện TS ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung yêu cầu Cơ quan CSĐT - Công an huyện TS tiến hành định giá lại tài sản. Ngày 05/10/2020 Cơ quan CSĐT - Công an huyện TS ra Yêu cầu định giá lại tài sản (lần một) số 01 đề nghị Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh PT tiến hành định giá lại tài sản. Ngày 08/10/2020 Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh PT ra văn bản số 03/HĐĐG trả lời: Hội đồng định giá huyện TS, tỉnh PT chưa thực hiện đầy đủ theo yêu cầu của Cơ quan CSĐT - Công an huyện TS do vậy phải thực hiện lại việc định giá. Ngày 12/10/2020 Cơ quan CSĐT - Công an huyện TS ra văn bản số 249/CV-CQĐT đề nghị Hội đồng định giá thuộc Ủy ban nhân dân huyện TS thực hiện lại việc định giá tài sản theo Yêu cầu định giá tài sản số 15 ngày 06/8/2020. Ngày 15/10/2020 Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện

TS có văn bản số 04/HĐĐGTX với nội dung là đã thực hiện lại việc định giá tài sản vào ngày 08/9/2020 và ra Kết luận định giá tài sản số 20/KL-ĐGTS: Tổng chi phí khôi phục tình trạng ban đầu của tài sản trước khi bị hủy hoại là 6.726.000đ.

2. Các vấn đề khác của vụ án:

Căn cứ vào hành vi của Nguyễn Xuân L, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh Q, Lê Văn H, Nguyễn Tiến Q, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Lù Chín V và Đinh Công D và các tài liệu chứng cứ thu thập được, ngày 17/6/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện TS đã quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với: L, M, Nguyễn Thanh Q, H, Nguyễn Tiến Q, L, KH, V và D đều về tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo: M,Nguyễn Tiến Q, H, Nguyễn Thanh Q, L; L, KH, V và D đã khai nhận toàn bộ hành vi hủy hoại tài sản của mình như đã nêu trên.

Sau khi sự việc xảy ngày 17/3/2020 các Bị cáo L, M, Nguyễn Thanh Q, H, Nguyễn Tiến Q, L, KH, V và D đã tự nguyện đóng góp hỗ trợ bồi thường cho bị hại là anh Hà Văn Kh số tiền 30.000.000 đồng; ngày 19/6/2020 Bị cáo M đã tự nguyện tháo dỡ phần mái tôn lợp lấn sang phần đất nhà anh Kh.

Tai phiên tòa bị hại anh Hà Văn Kh xác nhận ngày 21/01/2021 các bị cáo: M,Nguyễn Tiến Q, H, Nguyễn Thanh Q, L; L, KH, V và D đã tự nguyện đóng góp bồi thường thiệt hại về tài sản tổng số tiền 80.000.000 đồng, nay anh Kh không yêu các bị cáo bồi thường gì thêm đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS-TS, ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến Q; Lê Văn H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Xuân L, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Lù Chín V và Đinh Công D về tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Q từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1; khoản 2; khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2; khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị M; Lù Chín V; Lê Văn L; Nguyễn Thanh Q; Trần Xuân KH; Đinh Công D mỗi bị cáo từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; đểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 20.000.000đ (hai mươi) triệu đồng.

Giao các Bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Thị M; Nguyễn Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Đinh Công D cho UBND xã, phường, thị trấn nơi các Bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các Bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Thị M; Nguyễn Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Đinh Công D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi các Bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo.

Các Bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Thị M; Nguyễn Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Đinh Công D phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng tại UBND xã, phường, thị trấn nơi các Bị cáo cư trú trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ tại cộng đồng không quá 04 (bốn) giờ trong 01 (một) ngày và không quá 05 (năm) ngày trong 01 (một) tuần.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung và hủy lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 01;02;03;04;05;06;07;08 ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT cho các Bị cáo Nguyễn Thị M, Lê Văn H, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH và Đinh Công D.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Xác nhận các bị cáo Nguyễn Tiến Q, Lê Văn H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Xuân L, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Lù Chín V và Đinh Công D đã cùng nhau đóng góp hỗ trợ bồi thường khắc phục hậu quả cho anh Hà Văn Kh với tổng số tiền là **110.000.000**đ (một trăm mười triệu đồng).

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 03 con dao bằng kim loại có cán hình tròn bằng kim loại mỗi con Dao dài 70cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35cm; 03 búa tạ có cán bằng thân cây tre đầu búa bằng kim loại đều có kích thước 15cm x 7cm x 7cm; 01 dây điện màu vàng dài 19,5m một đầu có phích cắm, một đầu có ổ cắm.

Tịch thu bán sung quỹ nhà nước: 01 máy cắt Sắt có gắn lưỡi bằng đá mài nhãn hiệu AGZ màu xanh đã qua sử dụng.

4.Về quan điểm của người bào chữa:

- Người bào chữa cho cho Bị cáo Đinh Công D: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D mức thấp nhất theo kiểm sát viên đề nghị với lý

do bị cáo là người dân tộc, hiểu biết pháp luật còn hạn chế đã tự nguyện đóng góp bồi thường thiệt hại, được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho Bị cáo Lù Chín V: Gửi văn bản bào chữa đề nghị xem xét bị cáo là người dân tộc, hiểu biết pháp luật còn hạn chế đã tự nguyện đóng góp bồi thường thiệt hại, được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt mức thấp nhất.

5.Quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người đại diện theo ủy quyền cho Bị hại:

Về dân sự: Xác nhận ngày 17/3/2020 và ngày 21/01/2021 các bị cáo M, Nguyễn Tiến Q, H, Nguyễn Thanh Q, L, L, KH, V và D đã tự nguyện đóng góp bồi thường thiệt hại về tài sản với tổng số tiền **110.000.000** đồng, nay không yêu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Về hình phạt: Nếu bị cáo nào đủ điều kiện được cải tạo tại địa phương đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất cho cải tạo tại địa phương để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TS, tỉnh PT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo, Người bào chữa, Bị hại, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay, các Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; thừa nhận Bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai của các Bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của Người bị hại và vật chứng thu được cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án. Như vậy đã xác định được: Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 12/3/2020 tại khu L, xã XS, huyện TS, tỉnh PT, do cho rằng gia đình anh Hà Văn Kh xây nhà lấn sang phần đất thuộc quyền sử dụng của gia đình mình nên Nguyễn Thị M đã cùng với Nguyễn Xuân L, Nguyễn Thanh Q, Lê Văn H, Nguyễn Tiến Q, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Lù Chín V và Đinh

Công D sử dụng Dao, Búa, máy cắt Sắt tiến hành đập phá, hủy hoại 03 cột nhà bằng bê tông và bức tường nhà đang xây dựng của nhà anh Hà Văn Kh.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/KL-ĐGTS ngày 08/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện TS đã sác định thiệt hại là: "Tổng chi phí khôi phục tình trạng ban đầu của tài sản trước khi bị hủy hoại là 6.726.000 đồng".

Các Bị cáo thực hiện hành vi hủy hoại tài sản trong trạng thái tinh thần bình thường, nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Từ các nhận định trên đã đủ cơ sở xác định hành vi của các Bị cáo có tên nêu trên đã phạm phạm tội: "Hủy hoại tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự quy định: "*Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng tội mà các Bị cáo thực hiện là:

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Tội mà các Bị cáo phạm tuy là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các Bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi phạm tội của các Bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các Bị cáo thấy rằng: Các Bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi "Hủy hoại tài sản" nhưng chỉ là do tự phát, không có sự phân công chặt chẽ, nên không coi là phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, vị trí, vai trò của các Bị cáo là khác nhau, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Thị M là người có vai trò chính, chủ động xúi dục các Bị cáo khác thực hiện tội phạm; các Bị cáo: H, Nguyễn Tiến Q, V, L, D, KH có vai trò là người thực hành trong thực hiện tội phạm; Bị cáo Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Xuân L có vai trò là người giúp sức, xúi dục các Bị cáo khác phạm tội.

Về nhân thân: Tại thời điểm phạm tội các Bị cáo: Nguyễn Thanh Q, M, L V, L, KH, D đều chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

Bị cáo Nguyễn Tiến Q và Lê Văn H đều có nhân thân xấu, thể hiện: Nguyễn Tiến Q tại bản án số 23/2008/HSST ngày 22/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện Tận Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và " Lạm dụng chiếm đoạt tài sản" và tại bản án số 27/2008/HSST ngày 29/12/2008 của Tòa án nhân dân

huyện Tận Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Lê Văn H tại bản án số 167/2012/HSST ngày 18/6/2008 của Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố H xử phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Bị cáo Q; H đều đã được xóa án tích nên Bị cáo Nguyễn Tiến Q và Lê Văn H không được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo M, L, V, KH, D, V, L và Nguyễn Thanh Q đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên các Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Tiến Q, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên trong thời gian được tại ngoại bị cáo có hành vi "tàng trữ trái phép chất ma túy" tại huyện ĐB, tỉnh H B. Hành vi phạm tội của bị cáo tại huyện ĐB, tỉnh HB, sẽ bị xử lý sau theo quy định. Xét thấy, cần xử Bị cáo Nguyễn Tiến Q hình phạt tù có thời hạn ở mức khởi điểm mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

Bị cáo Lê Văn H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trũ rõ ràng có khả năng tự cải tạo nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho Bị cáo cải tạo tại địa phương.

Đối với các Bị cáo M, V, L, KH, Nguyễn Thanh Q, D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, các Bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các Bị cáo nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo nên không cần cách ly các Bị cáo khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân L có vai trò là người giúp sức, xúi dục các Bị cáo khác phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; có

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên xử hình phạt tiền theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 178 của Bộ luật hình sự thì các Bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Tuy nhiên qua xác minh về tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TS thì thấy, các Bị cáo đều không có tài sản riêng có giá trị, tội mà các Bị cáo phạm không liên quan đến nghề nghiệp của các Bị cáo. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình Điều tra và tại phiên Tòa ngày hôm nay Người bị hại; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người Bị hại xác nhận các Bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) nay không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đây là sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các Bị cáo nhằm hỗ trợ cho Bị hại nên Hội đồng xét xử xác nhận là phù hợp.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra đã thu giữ các vật chứng gồm: 03 con dao bằng kim loại có cán hình tròn bằng kim loại mỗi con Dao dài 70cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35cm; 03 búa tạ có cán bằng thân cây tre đầu búa bằng kim loại đều có kích thước 15cm x 7cm x 7cm; 01 máy cắt Sắt có gắn lưỡi bằng đá mài nhãn hiệu AGZ màu xanh đã qua sử dụng, 01 dây điện màu vàng dài 19,5m một đầu có phích cắm, một đầu có ổ cắm. Đây là công cụ các Bị cáo dùng để phạm tội cần tịch sung ngân sách Nhà nước và tiêu hủy là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn Đ, là lái xe taxi đi cùng L, Nguyễn Thanh Q, H, Nguyễn Tiến Q, L, KH, V và D lên Vườn Quốc gia XS chơi nhưng Đ không tham gia vào việc đập phá hủy hoại tài sản. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện TS, tỉnh PT không đề cập xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bào chữa cho các Bị cáo tại phiên tòa phù hợp, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị hại như đã nhận định ở trên là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, Bị hại được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội: Áp dụng khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự, tuyên bố các Bị cáo: Nguyễn Tiến Q, Nguyễn Thị M, Nguyễn Xuân L, Lê Văn H, Nguyễn

Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Đinh Công D phạm tội "Hủy hoại tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với Bị cáo Nguyễn Tiến Q.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1; khoản 2; khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với Bị cáo Lê Văn H.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2; khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Thị M; Lù Chín V; Lê Văn L; Nguyễn Thanh Q; Trần Xuân KH; Đinh Công D.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân L.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Tiến Q 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày Bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã M Đ, huyện TS, tỉnh PT nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã XĐ, huyện TS, tỉnh PT nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Lù Chín V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã ChC, huyện XM, tỉnh HG nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường DH, thành phố LC, tỉnh LC nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã M Đ, huyện TS, tỉnh PT nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân KH 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND Phường HV, tỉnh PT nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Đinh Công D 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã MT, tỉnh PT nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Giao các Bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Thị M; Nguyễn Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Đinh Công D cho UBND dân xã, phường, thị trấn nơi các Bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các Bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Thị M; Nguyễn Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Đinh Công D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi các Bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo.

Các Bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Thị M; Nguyễn Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Đinh Công D phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng tại UBND xã, phường, thị trấn nơi các Bị cáo cư trú trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ tại cộng đồng không quá 04 (bốn) giờ trong 01 (một) ngày và không quá 05 (năm) ngày trong 01 (một) tuần.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các Bị cáo Nguyễn Thị M, Lê Văn H, Nguyễn Tiến Q, Nguyễn Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Đinh Công D.

Hủy lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 01;02;03;04;05;06;07;08 ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT đối với các Bị cáo Nguyễn Thị M; Lê Văn H; Nguyễn Xuân L, Nguyễn Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Đinh Công D.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Xác nhận ngày 17/3/2020 và ngày 21/01/2021 các bị cáo Nguyễn Thị M, Lê Văn H, Nguyễn Tiến Q, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Đinh Công D cùng tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Hà Văn Khoa số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 03 con dao bằng kim loại có cán hình tròn bằng kim loại mỗi con Dao dài 70cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35cm; 03 búa tạ có cán bằng thân cây tre đầu búa bằng kim loại đều có kích thước 15cm x 7cm x 7cm, 01 dây điện màu vàng dài 19,5m một đầu có phích cắm, một đầu có ổ cắm.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 máy cắt Sắt có gắn lưỡi bằng đá mài nhãn hiệu AGZ màu xanh.

Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh PT theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2020.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các Bị cáo Nguyễn Thị M, Lê Văn H, Nguyễn Tiến Q, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Thanh Q, Lù Chín V, Lê Văn L, Trần Xuân KH, Đinh Công D mỗi Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm .

6. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh PT xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Văn Chí